

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KIỂM SOÁT VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

*ThS. Nguyễn Tuấn Dũng **
*ThS. Trần Trọng Triết ***

Đến nay, hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) cả nước nói chung, tỉnh An Giang nói riêng đã khẳng định được vị trí của mình trong nền tài chính Việt Nam. Các QTDND đã thực hiện tốt việc hỗ trợ phát triển kinh tế, đặc biệt là khu vực nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, để hệ thống QTDND phát triển ổn định và bền vững, đúng tôn chỉ, mục đích cũng như thực hiện Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020”, việc cần làm là phải thiết lập hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ (KTNB) hiệu quả nhằm quản lý kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động.

Bài viết phân tích thực trạng hoạt động kiểm soát nội bộ (KSNB) và KTNB của hệ thống QTDND trên địa bàn tỉnh An Giang trong những năm qua, từ

đó tác giả đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả KSNB và KTNB QTDND, góp phần thiết thực vào quá trình tái cơ cấu QTDND.

1. Hoạt động của hệ thống QTDND tỉnh An Giang trong thời gian qua

1.1. Những kết quả đạt được

An Giang hiện có 24 QTDND đang hoạt động tại 144 xã, phường, thị trấn/156 xã, phường, thị trấn của tỉnh; tổng số thành viên của các QTDND trên địa bàn gần 200 nghìn thành viên, điều đó chứng tỏ người dân đã thấy được lợi ích thiết thực do QTDND mang lại. Bên cạnh những đặc điểm ưu việt của loại hình này như việc không phân biệt tuổi tác, địa vị xã hội, giới tính, góp vốn nhiều hay ít của các thành viên tham gia trong khi lại có quyền ngang nhau trong quản trị, kiểm soát, điều hành; đồng thời, hệ thống QTDND đã tạo được vị thế khá vững chắc trên thị trường tiền tệ, tín dụng, góp phần quan trọng vào việc

xóa đói, giảm nghèo, hạn chế nạn cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn.

Cùng với đó, đến nay, đội ngũ cán bộ của các QTDND trên địa bàn tỉnh An Giang hầu hết đã tham gia các khóa đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề QTDND theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam và các khóa đào tạo ngắn hạn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tin học... Đồng thời, công tác đào tạo nâng cao đối với đội ngũ cán bộ quản lý điều hành và tác nghiệp của các QTDND cũng được đẩy mạnh, nên tỷ lệ cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học và thạc sĩ ngày càng được nâng cao.

Trong thời gian qua, các chỉ tiêu hoạt động của các QTDND trên địa bàn tỉnh An Giang không ngừng tăng trưởng, chất lượng tài sản tiếp tục được cải thiện: (i) Tổng nguồn vốn đến ngày 31/10/2020 đạt 3.651 tỷ đồng, tăng 5,05% so với cuối năm 2019, trong đó vốn huy động tiền gửi tiết kiệm là 3.150 tỷ

* Giám đốc NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang

** NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM



Mang phồn thịnh đến khách hàng

Chuyên mục này do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tài trợ

đồng; (ii) Tổng dư nợ tín dụng đến 31/10/2020 là 2.855 tỷ đồng, giảm 4,66% so với cuối năm 2019; (iii) Nợ quá hạn là 28,7 tỷ đồng, chiếm 1,01% tổng dư nợ, trong đó nợ xấu (nợ từ nhóm 3 đến nhóm 5) là 21,9 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,77% tổng dư nợ; (iv) Kết quả kinh doanh: Đến cuối tháng 10/2020, chênh lệch thu nhập cao hơn chi phí (lãi) 30.570 triệu đồng, so với cùng kỳ năm 2019 tăng 3.187 triệu đồng (tăng 11,64%), so với cả năm 2019 đạt 97,25%.

Nhờ có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của NHNN Việt Nam và NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang, các cấp chính quyền địa phương, bằng nhiều chính sách linh hoạt, phù hợp, hỗ trợ hệ thống QTDND thực hiện chức năng kinh doanh tiền tệ, đưa nguồn vốn đến tận tay người dân, trở thành một tổ chức tín dụng hợp tác hoạt động có hiệu quả, góp phần tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, giảm dần tình trạng cho vay nặng lãi ở nông thôn.

Lãi suất cho vay tại các QTDND tuy cao hơn NHTM nhưng vẫn thấp hơn rất nhiều so với các “hụi/hộ”, dịch vụ cầm đồ hay “tín dụng đen”. Do đó, mô hình QTDND được cho là cách thức tốt để hạn chế “tín dụng đen” trong nông thôn.

Khác với NHTM, các QTDND chỉ được hoạt động theo địa bàn, huy động vốn từ các thành viên trong địa phương và cũng chỉ được cho vay chính các thành viên đó. Chính nhờ vậy, các QTDND nắm bắt khá rõ về khách hàng vay vốn, tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống chỉ dưới 1%.

Nhìn chung, hoạt động của các QTDND đã đáp ứng được mục

tiêu cơ bản là tương trợ thành viên, phát triển cộng đồng, đồng thời bù đắp được chi phí, bảo toàn được vốn và có tích lũy để phát triển. Nhờ đó, quyền lợi của thành viên cũng được bảo đảm, các QTDND có điều kiện tích lũy để mở rộng phát triển bền vững.

1.2. Một số hạn chế, bất cập trong hoạt động KSNB, KTNB của hệ thống QTDND trên địa bàn tỉnh An Giang

Trên thực tế, nhiều QTDND hoạt động rất hiệu quả, đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của thành viên và đặc biệt là việc phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn có tình trạng một số QTDND hoạt động chệch hướng, vi phạm quy định dẫn đến bị rủi ro và là nguyên nhân dẫn đến những bất ổn về an ninh, xã hội tại các địa bàn hoạt động của QTDND.

Trước thực trạng một số QTDND chưa bám sát mục tiêu hoạt động, có biểu hiện chạy theo lợi nhuận, các quy chuẩn về KTNB, KSNB chưa được coi trọng đã tạo nhiều tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động và gây ảnh hưởng đến sự an toàn của hệ thống. Do vậy, Luật Các TCTD đã quy định rất rõ nét, cụ thể về việc tuân thủ hệ thống KSNB (Điều 40), KTNB (Điều 41) và đặc biệt là về vấn đề kiểm toán độc lập (Điều 42) đối với các TCTD, trong đó bao gồm cả các QTDND. Tất cả các quy định này hướng tới mục tiêu củng cố các TCTD nói chung và các QTDND nói riêng phải tăng cường công tác giám sát, KSNB, qua đó tự nâng cao năng lực quản trị điều hành hoạt động, quản trị rủi ro.

Từ những định hướng cơ bản nêu trên, đồng thời, triển khai Luật Các TCTD, Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011 - 2015” và Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020”, thời gian qua, NHNN đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật được xem là nền tảng pháp lý quan trọng thực hiện mục tiêu dần hoàn thiện mô hình TCTD là hợp tác xã hoạt động đúng bản chất, mục tiêu, định hướng đã đặt ra.

Trên địa bàn tỉnh An Giang, từ thực tiễn hoạt động của hệ thống QTDND đã cho thấy:

Thứ nhất, hoạt động của QTDND gặp rất nhiều rủi ro, gian lận và sai sót có thể xảy ra bất kỳ lúc nào. Vì vậy, hoạt động KTNB tốt có thể giúp người quản trị QTDND ngăn chặn gian lận và sai sót, giúp cho kiểm toán độc lập có được những bằng chứng tin cậy trong việc đánh giá tính trung thực và hợp lý tình hình tài chính của QTDND. Tuy nhiên, vai trò KTNB của các QTDND còn nhiều điểm hạn chế, chưa phát huy hết khả năng; việc bố trí sắp xếp cán bộ làm công tác kiểm toán thường là kiêm nhiệm, cán bộ chưa được đào tạo bài bản, chuyên sâu; nội dung KTNB còn mang tính hình thức nhằm hợp thức các quy định của NHNN; nhận thức của lãnh đạo QTDND về vai trò, hoạt động KTNB còn hạn chế, chưa được quan tâm đúng mức, chất lượng KTNB chưa cao.

Qua đó cho thấy ở nơi nào, Ban lãnh đạo QTDND quan tâm đến vai trò KSNB, KTNB thì ở nơi đó hoạt động an toàn, hiệu quả. Song, việc có một quyển sổ tay hay cầm nang là cần thiết bởi hiện nay các quy chế về hoạt động này của QTDND đều mang tính “cóp nhặt” từ nhiều đơn vị khác về hoàn thiện và áp dụng thực hiện. Vì vậy, việc có một cầm nang (sổ tay) hoàn chỉnh sẽ giúp các QTDND có cơ sở soi chiếu, phát huy tốt vai trò của bộ phận này.

Vì vậy, cần giúp các QTDND xây dựng quy trình và triển khai thực hiện KSNB và KTNB theo phương thức “cầm tay chỉ việc”, với việc hoàn thiện các quy trình kiểm soát, kiểm toán trong toàn bộ hoạt động của hệ thống QTDND, từ đó chỉ ra các chốt kiểm soát rủi ro quan trọng để các QTDND áp dụng.

Thứ hai, do nhiều nguyên nhân nên trong thực tế, kết quả hoạt động Ban kiểm soát của nhiều QTDND còn rất hạn chế như: (i) Chưa chủ động trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát; (ii) Chưa thể hiện được quan điểm, kiến nghị, đề xuất với các cấp có liên quan; (iii) Thụ động trong công việc; (iv) Chất lượng báo cáo, thông tin, thống kê rất thấp; (v) Vai trò, vị thế của ban kiểm soát, nhất là kiểm soát trưởng còn mờ nhạt...

Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại nói trên là do ý thức chấp hành pháp luật, quy định, điều lệ và quy chế làm việc của Ban kiểm soát các QTDND còn thấp; chưa có cơ chế, quy định cụ thể, phù hợp về bảo vệ cái đúng, xử lý sai phạm trong công tác KSNB và

KTNB của QTDND; một số cán bộ QTDND chuyên môn, nghiệp vụ, chưa sâu, chưa chắc do đó chưa biết, chưa làm được, chưa nói được. Bên cạnh đó, vai trò kiểm tra, giám sát, hướng dẫn và tạo điều kiện, môi trường thuận lợi hoạt động cho Ban kiểm soát của cấp ủy, chính quyền địa phương, của Chi nhánh NHNN tỉnh An Giang và của QTDND cũng có lúc, có mặt còn hạn chế.

Thứ ba, hệ thống KSNB của hầu hết QTDND trên địa bàn còn nhiều bất cập, hạn chế. Những hạn chế đó thể hiện ở việc: (i) Thiếu sự giám sát và tinh thần trách nhiệm của Ban lãnh đạo và thất bại trong việc xây dựng một văn hóa kiểm soát lành mạnh trong nội bộ QTDND; (ii) Bất cập về nhận thức và đánh giá rủi ro trong một số hoạt động của QTDND; (iii) Sự thiếu sót hoặc yếu kém về cơ cấu và hoạt động kiểm soát chính như phân công nhiệm vụ, phê duyệt, kiểm tra, đối chiếu và đánh giá tình hình hoạt động; (iv) Sự thiếu trao đổi thông tin giữa các cấp lãnh đạo trong nội bộ QTDND, đặc biệt là các thông tin liên quan về các vấn đề tồn tại; (v) Sự thiếu hụt và thiếu hiệu quả các chương trình kiểm toán và giám sát.

2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả KSNB, KTNB của hệ thống QTDND

Để khắc phục tình trạng trên, NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang đã quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức tập huấn nghiệp vụ đối với công tác KSNB và KTNB của các QTDND trên địa bàn. Đồng thời, Chi nhánh đã đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác

KSNB và KTNB các QTDND thời gian tới; trong đó, nhấn mạnh đến khâu đột phá là yếu tố con người:

Thứ nhất, xây dựng văn hóa kiểm soát và tăng cường giám sát của quản lý cấp cao (bao gồm sự giám sát của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát và bộ máy điều hành)

Văn hóa kiểm soát chính là nền tảng ý thức và là văn hóa của tổ chức sẽ tác động đến ý thức kiểm soát của toàn bộ thành viên trong tổ chức. Đây được xem là nhân tố nền tảng của hệ thống KSNB. Để thiết lập môi trường kiểm soát tốt cần lưu ý những điểm sau:

- HDQT và bộ máy điều hành của QTDND cần phải tạo được tính trung thực và cam kết các giá trị đạo đức một cách nhất quán, đồng điệu từ trên xuống dưới thông qua việc thiết lập các tiêu chuẩn ứng xử; đánh giá sự tuân thủ các tiêu chuẩn ứng xử và xử lý những “chệch hướng” một cách kịp thời. Bên cạnh đó, người quản lý cần phải làm gương cho cấp dưới về việc tuân thủ các chuẩn mực đạo đức và phải phổ biến những quy định đến mọi thành viên bằng các thể thức thích hợp. Để nâng cao tính trung thực và sự tôn trọng các giá trị đạo đức thì QTDND phải loại trừ hoặc giảm thiểu những áp lực hay cơ hội có thể dẫn đến những hành vi thiếu trung thực của các thành viên trong đơn vị.

- Khi thiết lập hệ thống KSNB thì HDQT phải đảm bảo sự độc lập với quản lý và chịu trách nhiệm giám sát sự phát triển và hoạt động của KSNB. Một HDQT năng động và tận tâm, hướng dẫn và giám sát việc thực

hiện của người quản lý là nhân tố thiết yếu để hệ thống KSNB hữu hiệu.

- Trong môi trường kiểm soát không thể thiếu vắng chính sách nhân sự nhất quán, hợp lý, công bằng, rõ ràng, cụ thể trong tuyển dụng, huấn luyện, bổ nhiệm, đánh giá, sa thải, đề bạt, khen thưởng nhân viên. Và gắn liền với chính sách nhân sự là sự đảm bảo về năng lực và đạo đức của nhân viên, nghĩa là đảm bảo nhân viên có được kỹ năng, hiểu biết để thực hiện nhiệm vụ cũng như cần đảm bảo việc phân định rõ ràng về những quyền hạn và trách nhiệm của từng bộ phận và từng nhân viên trong đơn vị. Những hạn chế về nghiệp vụ, bất cập trong sử dụng nhân lực cũng như sự xuống cấp đạo đức nghề nghiệp của họ sẽ gây ra nhiều tổn thất cho các QTDND. Chính con người thiết lập các mục tiêu, thiết lập cơ chế kiểm soát và cũng chính con người có thể bẻ gãy hoặc vô hiệu hóa các chốt kiểm soát.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả công tác nhận diện, đánh giá và quản lý rủi ro

Để đánh giá và phân tích tốt rủi ro có thể xảy ra, QTDND cần xây dựng mục tiêu tổng thể trong hoạt động của QTDND và chi tiết cho từng bộ phận hay từng hoạt động có liên quan một cách rõ ràng, dễ hiểu và phải được phổ biến rộng rãi đến từng nhân viên để họ có thể căn cứ vào đó mà thực hiện công việc. Và khi các mục tiêu được đề ra thì người quản lý mới có thể nhận dạng đầy đủ và chính xác rủi ro, phân tích rủi ro và tìm ra các biện pháp để ngăn ngừa hay giảm thiểu tác hại của rủi ro ở mức mà QTDND có

thể chấp nhận được. Người quản lý cần thường xuyên hoặc định kỳ tổ chức các buổi thảo luận với các nhân viên của các bộ phận trong QTDND để qua đó có thể trao đổi thông tin, từ đó người quản lý có một cái nhìn tổng thể về các vấn đề mà QTDND sẽ gặp phải và nhận biết những rủi ro đang đe dọa đến mục tiêu của QTDND. Trên cơ sở đó, người quản lý có thể phân tích và đưa ra các giải pháp, kế hoạch, quy trình hành động cụ thể để có thể hạn chế những rủi ro xảy ra làm ảnh hưởng đến hoạt động của QTDND. Người quản lý cần có cơ chế nhận dạng những thay đổi đã và sẽ xảy ra trong thời gian tới. Và lưu ý, cơ chế nhận dạng, phân tích và quản lý rủi ro nên tập trung vào các dữ kiện có thể xảy ra trong tương lai và lập kế hoạch dựa vào những thay đổi này. Càng nhận diện sớm những cơ hội/thách thức thì khả năng đưa ra các hành động ứng phó càng tốt, từ đó giảm tình huống bất ngờ không mong muốn.

Thứ ba, tăng cường các hoạt động kiểm soát hiệu quả

QTDND nên thường xuyên tổ chức rà soát, xây dựng các sơ đồ quy trình nghiệp vụ nhằm chuẩn hóa các quy trình hoạt động trong từng nghiệp vụ, tạo cảm nang hướng dẫn chi tiết cho từng cán bộ, nhân viên trong QTDND. Qua quá trình lập sơ đồ quy trình nghiệp vụ đã giúp QTDND phát hiện các rủi ro tiềm ẩn trong việc thực hiện quy trình, xác định, đánh giá tính phù hợp của các chốt kiểm soát đang được thiết kế, từ đó sửa đổi, bổ sung thêm các chốt kiểm soát theo hướng tăng cường khả năng hỗ trợ kiểm soát tự động từ hệ

thống, giảm thiểu các loại rủi ro đã xác định về mức độ có thể chấp nhận được. Mặt khác, cần triển khai tốt cơ chế liên tục kiểm tra và tự kiểm tra việc thực hiện quy trình, quy định nội bộ tại các đơn vị QTDND. Song song với điều đó là việc thiết lập các kênh báo cáo sự cố từ cấp cơ sở đến cấp quản lý tại trung ương, phân lớn các tổn tại trong quá trình tác nghiệp đều được phát hiện kịp thời và khắc phục ngay.

Thứ tư, xây dựng hệ thống thông tin và truyền thông hiệu quả

Trong nhiều trường hợp, thông tin về các sai sót đáng ra phải được báo cáo lên cấp trên, tuy nhiên, qua các cấp độ tổ chức đã không đến được HĐQT và Ban giám đốc cho đến khi các vấn đề này trở nên trầm trọng. Trong một số trường hợp khác, thông tin trong các báo cáo điều hành không đầy đủ và chính xác, tạo ra ấn tượng giả tạo về hiện trạng kinh doanh hay một loạt tổn thất QTDND xảy ra là vì các nhân viên liên quan không biết hoặc không hiểu các chính sách của QTDND. Chính vì vậy, thiết lập hệ thống thông tin và truyền thông hiệu quả theo hướng tất cả các chính sách của QTDND đều được truyền đạt đến toàn thể cán bộ, nhân viên và ngược lại, những gian lận, sai sót của cán bộ, nhân viên cần được thông tin đến người quản lý cấp cao một cách nhanh nhất để xử lý, tránh gây ra hậu quả nghiêm trọng.

Thứ năm, nâng cao hiệu quả công tác KTNB

Theo Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 của NHNN, quy định về hệ thống

KSNB và KTNB của QTDND còn rất chung chung, chưa cụ thể nên QTDND rất lúng túng khi triển khai thực hiện. Năng lực KTNB còn nhiều hạn chế, KTNB chủ yếu thực hiện chức năng kiểm tra, đánh giá còn chức năng xác nhận và tư vấn còn yếu, nhân sự bộ phận này về chuyên môn nghiệp vụ còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu và đôi khi tại một số QTDND do lãnh đạo chưa nhận thức được tầm quan trọng của hai bộ phận này trong việc ngăn chặn và phát hiện rủi ro nên họ không được trao quyền để thực hiện tốt công việc của mình. Chính vì vậy, NHNN cần phải thường xuyên tổ chức những buổi hội thảo hoặc tập huấn về nghiệp vụ KSNB - KTNB chuyên sâu để một mặt giúp cho Ban lãnh đạo cũng như cán bộ, nhân viên của QTDND nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng hệ thống KTNB hiệu quả và vai trò của bộ phận KTNB trong tổ chức; mặt khác, chuyển giao kinh nghiệm thiết lập, phương pháp thực hiện cũng như cách thức vận hành. Ngoài ra, để đảm bảo tính độc lập, khách quan của bộ phận KTNB thì Thông tư số 44/2011/TT-NHNN nên sửa đổi quy định nhân sự bộ phận KTNB phải do Ban kiểm soát bổ nhiệm thay vì theo quy định hiện nay Ban kiểm soát chỉ có quyền đề nghị, còn việc bổ nhiệm thuộc thẩm quyền của HĐQT. Đây là một bất cập vì HĐQT cũng là đối tượng thuộc phạm vi giám sát của KTNB. Nếu HĐQT không muốn phát huy hiệu quả công việc của bộ phận này thì họ sẽ bổ nhiệm nhân sự không theo ý muốn của Ban kiểm soát.

Bên cạnh đó, cần tăng cường hoạt động kiểm tra, KSNB nhằm đảm bảo điều hành hoạt động cho QTDND an toàn và hiệu quả, để đảm bảo sự tồn tại và phát triển bền vững cho các QTDND. Ngày nay, trước yêu cầu bảo vệ tài sản, sử dụng nguồn lực có hiệu quả thì nhiệm vụ KTNB được mở rộng, giám sát người quản lý, qua đó phục vụ cho người sử dụng thông tin. Do vậy, nhiệm vụ kiểm soát của KTNB hiện đại như là phục vụ cho các tổ chức, KTNB cần phải hiểu được nhu cầu của người quản lý, học cách suy nghĩ như người quản lý và giúp người quản lý đạt được mục tiêu KSNB. Mặt khác, bản thân kiểm toán viên nội bộ cũng là người phụ trách và giám sát - hay là người quản lý trong nghề kiểm toán. Ngay trong hoạt động KTNB cũng phải vận dụng kỹ năng quản lý, kiểm soát như một khoa học, đồng thời lại là một nghệ thuật. KSNB là một nội dung của quá trình quản lý và có tác động trở lại với các yếu tố của quá trình quản lý. Chỉ có hoạt động kiểm soát mới giúp con người lập được kế hoạch phù hợp, xác định mục tiêu một cách tốt nhất. Thông qua tổ chức để sắp xếp, bố trí công việc theo kế hoạch và kiểm soát được việc thực hiện theo đúng trình tự mà tổ chức đã lập ra. Việc cung cấp nguồn lực trong tổ chức phải có sự kiểm soát, đặc biệt là kiểm soát nguồn nhân lực.

Kiểm soát phải đi liền với việc điều hành hệ thống. Trong đó, có hệ thống KSNB, chức năng quan trọng của quản lý, giúp người quản trị của QTDND đạt được mục tiêu trong quản lý và điều

hành, bao gồm: Mục tiêu bảo vệ tài sản, mục tiêu tuân thủ pháp luật, mục tiêu hoạt động và mục tiêu thông tin.

Để đạt được những mục tiêu KSNB nói trên, người quản lý phải sử dụng rất nhiều công cụ hỗ trợ, trong đó có KTNB. Hệ thống KSNB được hiểu là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của QTDND được xây dựng, phù hợp với hướng dẫn của NHNN và được tổ chức thực hiện, nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. KTNB thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống KSNB. Đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong QTDND. Đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm QTDND hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Luật Các TCTD năm 2010 và Luật Các TCTD sửa đổi, bổ sung năm 2017.
2. Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
3. Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 của NHNN quy định về Quy bảo đảm an toàn hệ thống QTDND.
4. Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của NHNN quy định về QTDND.
5. Thông tư số 31/2012/TT-NHNN ngày 26/11/2012 của NHNN quy định về Ngân hàng Hợp tác xã.
6. Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 của NHNN quy định về hệ thống KSNB và KTNB của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
7. Báo cáo hoạt động QTDND trên địa bàn của NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang.